

BẢO VỆ DI SẢN VĂN HÓA PHI VẬT THỂ

Quá trình nhận thức và bài học thực tiễn

T.S. LÊ THỊ MINH LÝ*

Ở nước ta, các hoạt động bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể khởi đầu muộn hơn rất nhiều so với việc bảo vệ di sản vật thể. Sau khi thành lập Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Chính phủ đã ban hành ngay văn bản pháp lý về bảo vệ di sản vật thể (Sắc lệnh 65 ngày 23/11/1945). Với sắc lệnh này, cho đến nay, nhiều di sản vật thể đã được bảo vệ. 40.000 di tích lịch sử văn hóa và danh lam thắng cảnh đã được kiểm kê; 10 di tích đặc biệt quan trọng hơn 3000 di tích quốc gia và trên 5000 di tích cấp tỉnh đã được xếp hạng. Nhưng một thời gian dài chúng ta chưa có đủ cơ sở pháp lý để bảo vệ các di sản phi vật thể là linh hồn, là sự sống làm nên giá trị của các di tích đó.

Chiến tranh kéo dài hàng chục năm kỷ sự đói nghèo và thiếu thốn của những năm tháng đầy gian khổ không làm chùn bước các nhà nghiên cứu. Bức tranh văn hóa phi vật thể của 54 tộc người đã được phác thảo ngày càng rõ nét, đa dạng bằng những công trình nghiên cứu sâu sắc và phong phú của các học giả Việt Nam và một số nhà nghiên cứu nước ngoài. Tuy nhiên, kết quả đó về cơ bản chỉ dừng lại ở việc tư liệu hóa, viết thành sách hoặc được khai thác làm nền cho những sáng tác âm nhạc, múa, sân khấu và điện ảnh. Việc bảo vệ di sản một cách bền vững theo nghĩa là được trao

truyền liên tục và tiếp nối còn ít kết quả bởi chưa có định hướng và chính sách có tính chiến lược.

Sự muộn màng hơn nửa thế kỷ về chính sách bảo vệ di sản là sự thiệt thòi, có khi không còn cơ hội bù đắp đối với kho tàng di sản văn hóa phi vật thể của nước ta. Do không nhận thức được đầy đủ giá trị của truyền thống văn hóa mà mình đang có, người dân đã không thực hành, trao truyền và dẫn đến việc không có người thừa kế. Nhiều di sản truyền khẩu đã bị mai một không còn tồn tại dù chỉ là ký ức. Sự thay đổi hình thái kinh tế xã hội đã làm biến đổi đời sống văn hóa tinh thần của cộng đồng. Lúc đó, một số loại hình di sản bị coi là lạc hậu, mép mạp là văn hóa của giai cấp phong kiến. Vì vậy, chủ thể từ chối hoặc là buộc phải chia tay với truyền thống. Có những phong tục tập quán, tri thức dân gian, kỹ năng, kỹ thuật đặc sắc đã vĩnh viễn chìm vào quá khứ mà không có cách gì phục hồi, sống lại. Có những di sản đã từng chịu số phận đó và ngày nay lại được hồi sinh (Ca trù của người Việt vừa được UNESCO ghi danh là di sản phi vật thể cần được bảo vệ khẩn cấp là một ví dụ). Hoàn cảnh khó khăn của đất nước khi đó đã ảnh hưởng đến công việc của các nhà nghiên cứu. Họ thiếu cơ hội, điều kiện để điên dã, nghiên cứu, tư liệu hóa di sản. Vì vậy, cơ sở dữ liệu về di sản mà họ để lại vô cùng mỏng manh và thiếu tính hệ thống. Ngày nay, để bắt tay vào hoạt động

* PHÓ CỤC TRƯỞNG
CỤC DI SẢN VĂN HÓA

bảo vệ, chúng ta gặp rất nhiều khó khăn về cơ sở khoa học và nhất là thiếu một đội ngũ cán bộ chuyên môn chuyên nghiệp hoạt động trong lĩnh vực này.

Cùng với sự muộn màng về thời gian, sự vận dụng một cách máy móc và cứng nhắc những khái niệm và biện pháp bảo vệ di sản vật thể đối với di sản phi vật thể làm cho quá trình bảo vệ di sản phi vật thể ở Việt Nam một thời gian dài bị hạn chế, lúng túng và thiếu hiệu quả. Điển hình là sự quá tham vọng khi đưa ra những kế hoạch điều tra tổng thể để nắm cho kỳ được con số toàn bộ di sản phi vật thể ở Việt Nam. Đó là một kế hoạch không khả thi. Dự định xếp hạng di sản phi vật thể như di sản vật thể (cấp thế giới, cấp quốc gia, cấp tỉnh) và cấp bằng công nhận là không phù hợp với tính chất của việc bảo vệ di sản phi vật thể. Điều này đã bàn nhiều mà mãi đến nay (năm 2009), *Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa* mới kết luận được. Mặt khác, khái niệm về tính nguyên gốc và nguyên mẫu của phương pháp nghiên cứu di sản vật thể bị áp dụng một cách máy móc đối với di sản văn hóa phi vật thể đã khiến các nhà nghiên cứu mất rất

nhiều thời gian, công sức, dẫn đến những ý kiến trái chiều và lúng túng khi xác định biện pháp cụ thể để bảo vệ di sản.

Cho đến tận bây giờ vẫn còn quan niệm duy ý chí, bảo thủ, cho rằng có tiền là có thể bảo vệ di sản. Xu hướng này dường như muốn nhà nước hóa, kế hoạch hóa cứng nhắc việc bảo vệ. Nhà quản lý quyết định tất cả. Hệ quả của lối làm này sẽ là sự thiếu tôn trọng quyền của cộng đồng, áp đặt họ, không tạo được cơ hội để họ hiểu biết và tự quyết định những vấn đề liên quan đến di sản của họ.

Điểm hạn chế cuối cùng mà chúng tôi muốn nói, đó là việc làm "đóng băng" các dữ liệu về di sản, một khi cơ sở thông tin đó yên vị trong kho lưu trữ, không được tiếp cận với công chúng, không được cập nhật và sử dụng một cách rập khuôn khi phục hồi và truyền dạy.

Mặc dầu vậy, sau khi tiếp cận với những quan điểm của quốc tế, của UNESCO và đặc biệt từ khi có *Công ước UNESCO 2003 về bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể*, quá trình nhận thức và hành động bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể ở nước ta diễn ra rất nhanh, mạnh mẽ và đem lại những kết quả tích cực. Điều đó bắt



Một góc sinh hoạt văn hóa tâm linh-miền núi-Ảnh: Tác giả

nguồn từ sự đổi mới tư duy ở Việt Nam, bắt đầu từ năm 1986. Chiến lược này đã làm thay đổi nhận thức và hoạt động thực tiễn của nhiều lĩnh vực, trong đó có văn hóa. Nhanh chóng học hỏi và kế thừa tri thức, kinh nghiệm bảo vệ di sản văn hóa của nhân loại, hoạt động bảo vệ di sản phi vật thể ở Việt Nam đã và đang ngày một phát triển. Chúng ta có thể tự hào về những kết quả sau đây.

Thứ nhất, một hệ thống công cụ pháp lý bảo vệ di sản văn hoá phi vật thể đã được xây dựng từng bước, ngày càng hoàn thiện và hội nhập với quan điểm chung của nhân loại. Luật di sản văn hóa được ban hành 2001 và thực hiện từ năm 2002, gần đây được sửa đổi và bổ sung để phù hợp với yêu cầu thực tiễn và Công ước 2003. UNESCO đã đánh giá rằng, các điều khoản của bộ Luật này rất tiên tiến và tương thích với các Công ước quốc tế về bảo vệ di sản. Chúng ta đã đưa vào bộ luật này nhận thức, quan điểm mới, cơ bản về di sản phi vật thể và biện pháp bảo vệ. Trong đó xác định rõ trách nhiệm của các đối tượng, đối tác trong việc bảo vệ di sản. Theo đó, di sản phi vật thể là những đối tượng sống, chứa đựng sinh lực và

tồn tại trong các mối quan hệ xã hội phát triển liên tục. Di sản văn hóa phi vật thể được xác định là di sản sống, là di sản đương đại, có tính truyền thống, được các cộng đồng công nhận, không chỉ vì nó là tài sản của họ, mà còn vì nó quan trọng đối với bản sắc của họ. Bảo vệ là tập hợp các biện pháp có mục tiêu đảm bảo khả năng tồn tại của di sản văn hóa phi vật thể. Bao gồm việc nhận diện, tư liệu hoá, nghiên cứu phục hồi các phương diện khác nhau của di sản, bảo tồn, phát huy, củng cố, chuyển giao, truyền dạy, đặc biệt là thông qua hình thức giáo dục chính thức hoặc phi chính thức. Sự tồn tại của di sản vật thể có thể không cần đến con người, còn sự kế tục và duy trì di sản phi vật thể luôn luôn đòi hỏi có con người. Bảo vệ di sản văn hóa vật thể là bảo vệ vật chất. Bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể là kế thừa con người, là kế thừa văn hóa sống. Nội hàm của hai chữ "bảo vệ" chính là trao truyền và kế thừa. Đó là bảo vệ sống. Bảo vệ di sản phi vật thể là bảo vệ con người-chủ thể văn hóa.

Thứ hai, vượt qua quan niệm chủ quan, thuần túy về học thuật và quá chú trọng vai trò của nhà nghiên cứu, ngày nay chúng ta đã



Tiếng chiêng gọi thần, gọi nguồn vui-Ảnh: Tác giả

nhận ra rằng, vấn đề bảo vệ di sản văn hóa, bản sắc văn hóa và đa dạng văn hóa trước hết phải xuất phát từ chủ thể văn hóa, từ nhu cầu, lợi ích của chủ thể và do chủ thể tự quyết định. Chúng ta phải mạnh dạn trao quyền và hỗ trợ để người dân tự xác định bản sắc của họ, nhận ra cái họ có, họ cần. Cái mà họ cần chính là cái gắn với cách mưu sinh, tái sản xuất xã hội và cuộc sống tinh thần của họ. Di sản văn hóa sẽ là tiềm năng, là động lực khi các chủ thể văn hóa được phát huy thích hợp với thời buổi kinh tế thị trường hôm nay. Chúng ta-nhà quản lý, nhà nghiên cứu phải giúp người dân tìm ra những tiềm năng có thể phát huy được, giúp họ biến tiềm năng văn hóa thành động lực phát triển.

Thứ ba, nhận thức của xã hội là cơ sở quan trọng để di sản được sống trong xã hội đương đại. Có nhận thức đúng, nhất trí, đồng lòng sẽ làm được tất cả dù khó khăn và thách thức đến mấy. Bởi vậy, giáo dục di sản là nhiệm vụ của các thiết chế văn hóa, đặc biệt là các bảo tàng. Các bảo tàng Việt Nam đang cố gắng để gắn kết những hoạt động của mình với việc giáo dục di sản văn hóa phi vật thể. Họ tổ chức các chương trình trình diễn của chủ thể văn hóa tại bảo tàng, mở các lớp khám phá, truyền dạy nghề thủ công truyền thống. Nổi dài cánh tay, họ vươn tới cộng đồng giúp họ kiểm kê nhận dạng giá trị di sản, nâng cao ý thức về bản sắc, phục hồi và phát huy sức sống của di sản, khai thác giá trị biến di sản thành sản phẩm phục vụ đời sống xã hội và đem lại lợi ích cho cộng đồng. Phương pháp photovoice, film cộng đồng và sử dụng tri thức di sản để dạy học một cách sáng tạo, tích cực là những biện pháp tiếp cận mới đang được thực hành ở Việt Nam.

Thứ tư, quan điểm xếp hạng hay không xếp hạng di sản phi vật thể đã được thảo luận tại Quốc hội vào dịp thông qua *Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa* đầu năm nay. Sau đó, Quốc hội đã thông qua điều khoản về kiểm kê trên cơ sở khuyến nghị của UNESCO: "Bởi vì di sản văn hóa phi vật thể của mỗi cộng đồng đều quan trọng đối với cộng đồng đó, một nguyên tắc của sự tôn trọng bình đẳng và đa dạng văn hóa là nếu đem so sánh và xếp hạng di sản của một cộng đồng này giá

trị hơn hay kém di sản của một cộng đồng khác là không thích đáng. Trước Công ước đã có một Chương trình công nhận Kiệt tác Di sản truyền khẩu và phi vật thể của Nhân loại, Chương trình này đã có yếu tố so sánh và xếp hạng. Khi cộng đồng quốc tế thiết lập Công ước 2003, rút kinh nghiệm từ những khó khăn gặp phải trong Chương trình công nhận Kiệt tác, sự phân biệt đẳng cấp hay so sánh rõ ràng đã bị loại bỏ. Sự xếp hạng như vậy có lẽ là không đáp ứng mục đích của Công ước là đảm bảo sự tôn trọng di sản văn hóa phi vật thể của tất cả các cộng đồng và đảm bảo sự hiểu biết lẫn nhau giữa các cộng đồng".

Mặc dầu không xếp hạng nhưng di sản văn hóa phi vật thể ở Việt Nam sẽ được phân loại, như là một phần của công việc kiểm kê, theo mức độ về hiện trạng sức sống và sự cần thiết phải bảo vệ hay cần thiết phải bảo vệ khẩn cấp. Điều này phù hợp với mục đích của kiểm kê mà Công ước đã nêu ra là "nhằm đảm bảo sự nhận diện với mục đích bảo vệ" (Điều 12.1). Theo đó, Danh mục Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia sẽ được thiết lập nhằm đánh giá về sức sống của di sản và chỉ ra những cách bảo vệ khác nhau, tạo cơ sở vững chắc cho việc xây dựng những biện pháp và phân bổ nguồn lực bảo vệ thích hợp.

Không chỉ chúng ta, toàn nhân loại đang phải đối mặt với những thách thức chung: Vấn đề nhận thức và ứng xử chưa đúng đối với di sản; vấn đề môi trường sống của chủ thể văn hóa bị thay đổi; vấn đề phát triển kinh tế-xã hội ảnh hưởng tới việc bảo tồn di sản; vấn đề thương mại hóa di sản; vấn đề toàn cầu hóa và hội nhập văn hóa tác động đến sự bền vững của văn hóa bản địa; vấn đề du lịch hóa di sản đang làm tổn thương các di sản nhạy cảm.

Còn quá nhiều công việc cần làm ngay và nhiều điều phải học hỏi. Chúng tôi nhận thức rằng, phải nỗ lực hơn nữa và mong được sự chia sẻ từ các bạn đồng nghiệp.

L.T.M.L

Chú thích:

1- *Thư của Bà Cecile Duvelle, Trưởng ban Di sản văn hóa phi vật thể UNESCO gửi Cục Di sản văn hóa ngày 29/5/2009.*